TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng.

Ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115[a]/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/QĐST-DS, ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1982. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Tân Tiến, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Tân Tiến, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Bùi Thị B) kết hôn với anh Nguyễn Tuấn K và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/1999 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Tân Tiến, xã T, huyện Sơn Dương, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên chửi nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hòa giải được. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

- Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Đào, sinh ngày 27/01/2002; Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 08/6/2013. Hiên nay cháu Nguyễn Thị Đào đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Nhi và cháu Tuấn, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi, triệu tập anh Nguyễn Tuấn K đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh K đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Tiến, xã T, huyện Sơn Dương, anh K là lao động tự do nhưng vẫn cư trú và có mặt tại địa phương. Về quan hệ hôn nhân anh K và chị B có đăng ký kết hôn theo quy định, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng nhiều năm gần dây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên cãi chửi nhau, có xảy ra xô sát, bạo lực gia đình, nguyên nhân do anh K thường xuyên sử dụng rượu. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần. Anh chị B K có ba con chung là Nguyễn Thị Đào, sinh ngày 27/01/2002; Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 08/6/2013. Đối với cháu Nguyễn Thị Đào đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, đã xây dựng gia đình riêng. Hai cháu còn lại đang là học sinh, đi học tại địa phương. Theo quan điểm của địa phương nếu anh K và chị B ly hôn thì nên giao con cho chị B là người trực tiếp dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Tài sản chung của anh chị thì địa phương không nắm được, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn vắng mặt và không chấp hành triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39,147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K ly hôn; giao cháu Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Anh Tuấn, sinh

ngày 08/6/2013 cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Chị Bùi Thị B phải chịu án phí theo quy định. Anh Nguyễn Tuấn K không phải nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Tân Tiến, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng nhưng anh K không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh K cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây được coi là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, đã được chính quyền địa phương, Công an xã hòa giải nhiều lần nhưng không hiệu quả; ly thân từ đầu năm 2020 đến nay và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, quá trình hòa giải tại chính quyền địa phương và trong quá trình giải quyết vụ án chị B vẫn kiên quyết ly hôn với anh K. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh K thực sự đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Tuấn K ly hôn.

[3] Về con chung: Chị B và anh K có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Đào, sinh ngày 27/01/2002; Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 08/6/2013. Đối với cháu Nguyễn Thị Đào đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, đã xây dựng gia đình riêng nên HĐXX không xem xét. Đối với hai cháu Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006 và cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 08/6/2013 hiện đang là học sinh, qua xác minh tại địa phương thể hiện do anh K hay uống rượu, bạo hành, nên việc giao con cho anh K không đảm bảo. Vì vậy, HĐXX

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giao cả hai cháu cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị B ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh Nhi, sinh ngày 30/6/2006 và cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 08/6/2013 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Anh Nguyễn Tuấn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002294, ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Tuấn K không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phạm Văn Vượng	**Nguyễn Danh Long**	**Bàn Văn Thế**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế